**TÌM HIỂU VÀ TRIỂN KHAI LDAP**

1. **Danh sách thành viên & công việc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ tên** | **MSSV** | **Công việc** | **Tiến độ** |
| Nguyễn Thế Tuyển | 175A071418 | Tìm hiểu LDAP | Hoàn thành |
| Nguyễn Thế Tuyển | 175A071418 | Hướng dẫn cài đặt | Hoàn thành |
| Nguyễn Thế Tuyển | 175A071418 | Hướng dẫn sử dụng |  |
| Nguyễn Thế Tuyển | 175A071418 | Hướng dẫn phát triển |  |

1. **Nội dung nghiên cứu**
   1. **Giới thiệu:**
      * **LDAP là gì?**

* **LDAP** (Lightweight Directory Access Protocol) – là giao thức truy cập nhanh các dịch vụ thư mục - là một chuẩn mở rộng cho nghi thức truy cập thư mục.
* **LDAP** là một giao thức tìm, truy nhập các thông tin dạng thư mục trên server. Nó dùng giao thức dạng Client/Server để truy cập dịch vụ thư mục.
* **LDAP** chạy trên TCP/IP hoặc các dịch vụ hướng kết nối khác.
* Có các LDAP Server như: OpenLDAP, OPENDS, Active Directory, …
  + - **Chức năng cụ thể của LDAP**
* Mô hình lưu trữ dữ liệu
* Quản lý thư
* Xác thực
  + - **Cấu trúc file lpif**
* Mỗi tập entry khác nhau được phân cách bởi dòng trắng
* Một tập chỉ dẫn cú pháp để làm sao xử lý thông tin
* Lời chú thích được gõ sau dấu # trong 1 dòng
* Thuộc tính được liệt kê bên trái dấu “:” và giá trị được biểu diễn bên phải.
* Thuộc tính dn định nghĩa duy nhất cho một DN xác định trong entry đó.
  + - **Entry là gì ?**
* Một entry là tập hợp của các thuộc tính, từng thuộc tính này mô tả một nét đặt trưng tiêu biểu của một đối tượng. Một entry bao gồm nhiều dòng.
  + - **Một số thuộc tính cơ bản trong file ldif**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên** | **Mô tả** |
| 1 | dn | Distinguished Name : tên gọi phân biệt |
| 2 | c | country – 2 kí tự viết tắt tên của một nước |
| 3 | o | organization – tổ chức |
| 4 | ou | organization unit – đơn vị tổ chức |
| 5 | objectClass | mỗi giá trị objectClass hoạt động như một khuôn mẫu cho các dữ liệu được lưu giữ trong một entry. Nó định nghĩa một bộ các thuộc tính phải được trình bày trong entry (Ví dụ: entry này có giá trị của thuộc tính objectClass là eperson, mà trong eperson có quy định cần có các thuộc tính là tên, email, uid ,…thì entry này sẽ có các thuộc tính đó) |
| 6 | givenName | tên |
| 7 | uid | id người dùng |
| 8 | cn | common name – tên thường gọi |
| 9 | telephoneNumber | số điện thoại |
| 10 | sn | surname – họ |
| 11 | userPassword | mật khẩu người dùng |
| 12 | mail | địa chỉ mail |
| 13 | facsimileTelephoneNumber | số phách |
| 14 | createTimestamp | thời điểm tạo ra entry này |
| 15 | creatorsName | tên người tạo ra entry này |
| 16 | pwdChangedTime | thời gian thay đổi mật khẩu |
| 17 | entryUUID | id của entry |

* + - **Mô hình LDAP**
* Mô hình LDAP information - xác định cấu trúc và đặc điểm của thông tin trong thư mục.
* Mô hình LDAP Naming - xác định cách các thông tin được tham chiếu và tổ chức.
* Mô hình LDAP Functional - định nghĩa cách mà bạn truy cập và cập nhật thông tin trong thư mục của bạn.
* Mô hình LDAP Security - định nghĩa ra cách thông tin trong thư mục của bạn được bảo vệ tránh các truy cập không được phép.
  1. **Hướng dẫn cài đặt trên Ubuntu sever**
     + **Các bước cài đặt**
* Cập nhật hệ thống

|  |
| --- |
|  |

* Cài đặt LDAP

|  |
| --- |
| * Tạo mật khẩu cho tài khoản admin của ldap |

* Cấu hình LDAP

|  |
| --- |
|  |

* 1. **Hướng dẫn sử dụng**
* **Thêm thuộc tính với file .ldif**
* Tạo file .ldif chứa thông tin cần tạo

|  |
| --- |
|  |

* Add entry mới vào LDAP bằng câu lệnh:

|  |
| --- |
|  |

* + - Tải ldap admin trên window

<https://sourceforge.net/projects/ldapadmin/files/ldapadmin/1.8.3/LdapAdminExe-w64-1.8.3.zip/download>

* + - Xem kết quả bằng Ldap admin

